

LÊ ĐẠT



đối thoại với
đời & thơ



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Tia Sáng

.vn

LÊ ĐẠT

(tên khai sinh Đào Công Đạt)

Sinh ngày 10-9-1929 tại tỉnh lỵ

Yên Bái

Mất ngày 21-4-2008

đổi thoại với
đời & thơ

TaiLieu.vn

BIỂU GIỚI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN ĐƯỢC THỰC HIỆN BỞI THƯ VIỆN KHU THỦY TP HCM

Lê Đạt

Đời thoại với đời và thơ / Lê Đạt - TP. Hồ Chí Minh - Trẻ, 2011.
312tr.; 15,5 x 23cm.

1. Lê Đạt, 1929-2008 - Tiểu sử 2. Nhà thơ Việt Nam 3. Thơ Việt Nam
- Thế kỷ 20. 4. Văn học Việt Nam - Thế kỷ 20

895.92214 — dc 22
L433-D23



LÊ ĐẠT

đối thoại với
đời & thơ

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ
TẠP CHÍ TIA SÁNG

LÊ ĐẠT, NGƯỜI MỞ CHỮ

Chi chi chành chành

Chữ danh thối lửa

-LÊ ĐẠT-

Tôi không muốn đính danh “đổi mới tư duy” cho Lê Đạt, bởi lẽ, cụm chữ ấy đã bị dùng mòn, trở thành sáo ngữ. Trong khi đổi mới tư duy, thực chất, là một vật lớn âm thầm, quyết liệt, mà bản thân mỗi người phải trả giá bằng mồ hôi, thậm chí nước mắt, để đổi thay một lối cảm, lối nhìn, lối nghĩ vốn là máu thịt của mình nhưng giờ đã ôi thiu. Đó chính là cuộc “cách mạng hệ hình”: từ hệ hình tư duy cũ, cổ truyền, cục bộ, sang hệ hình tư duy mới, hiện đại, phổ biến. Nếu hiểu như vậy thì Lê Đạt chính là người đổi mới tư duy tiêu biểu.

Sau sự việc Nhân Văn, mà Lê Đạt gọi đùa là một “tai nạn nghề nghiệp”, ông rơi vào vùng *hỗn độn* của tư duy và bị *gián đoạn* với những cuộc hành hương trải hội của quần chúng. Từ con người hành động, hướng ngoại, làm nghề xã hội, Lê Đạt lui về bản thân, làm nghề nghĩ, mà trước hết là nghĩ về sự nghĩ của chính mình. Thuyết tương đối của Einstein và vật lý lượng tử của Bohr, Heisenberg đã mở cho ông một chân trời tư duy mới, một cái nhìn thế giới mới. Ông chìm đắm nghiên cứu định lý bất toàn, thuyết bất định, nguyên lý bổ sung... ở các lĩnh vực xã hội, nhân văn và thẩm mỹ. Lê Đạt, như vậy, lại trở về với sự *hiên tục* xã hội, nhưng lần này với một *trật tự* tư duy mới, một thứ trật-tự-biến-động.

Lê Đạt, trước hết và chủ yếu, là một nhà thơ. Các nhà khác nơi ông, như nhà hoạt động xã hội, nhà văn hóa, nhà nhân văn... ít nhiều đều sáng từ ánh sáng của nhà thơ. Bởi lẽ, đổi mới hệ hình tư duy ở Lê Đạt bắt đầu từ tư duy thơ.

Thơ cũ (kể cả Thơ Mới) đặt trọng tâm vào ý, tứ. Có ý, tứ rồi thì người ta mới tìm ngôn ngữ để diễn đạt. Ngôn ngữ, vì thế, chỉ là phương tiện và phần nhiều bị cầm tù bởi ý tưởng. Để chống lại sự y quán tính của ý, tứ của tư tưởng, Lê Đạt (cùng với Trần Dần) đã đảo ngược quan hệ này. Ông đặt *chữ trước nghĩa*. Như vậy, có chữ rồi sẽ có nghĩa, chữ không phải như thông lệ/lộ có nghĩa rồi mới/đi tìm chữ. Việc đặt chữ là tính thứ nhất, một mặt đẩy lùi được nghĩa có trước, nghĩa tiêu dùng lùi vào hậu trường, mặt khác tạo điều kiện cho nghĩa mới, trong sự giao tiếp với những con chữ bên cạnh, nảy sinh. Hơn nữa, bằng nhiều thủ-pháp-chữ (như *nhé* một chữ ra khỏi câu rồi *cấy* vào đó một chữ khác đồng âm nghịch nghĩa, nghịch âm đồng nghĩa, hoặc tương tự cả âm lẫn nghĩa), Lê Đạt phá vỡ tính liên tục của câu, tạo ra sự gián đoạn, để một chữ cùng lúc phát ra nhiều nghĩa, một *chữ* có nhiều *hông* như trong nhà kính và gương.

Như vậy, thế giới chữ, và cả ngoài chữ nữa, duy nhất chỉ có một nghĩa, hoặc chỉ có một nghĩa đúng, không còn. Người đọc, trong thế tạng mình, tự do chọn lấy một nghĩa cho mình, hoặc tùy hứng du hành qua các không gian nghĩa của chữ. Dạng-tạo-chữ Lê Đạt không phải ở chỗ đặt ra chữ mới (dù việc này ông cũng rất *mê*), mà (theo kiểu (chuyên) *truyền* (cũ) *cổ viết lại*) làm cho những con chữ quen thuộc, môn vet phát ra những nghĩa mới, nghĩa tình khôi, nguyên thủy. Ông mở chữ như người ta khai hoang một vùng đất mới, phát hiện ra một không gian khác, hoặc thám mã thêm được một tầng vô thức. Nhưng cũng chính ở kiểu sáng tạo độc đáo này của Lê Đạt khiến những ai đọc ông bằng hệ hình thơ cũ, sẽ thấy thơ Lê Đạt không mới, nặng về kỹ thuật, để từ đó hiểu nhầm danh hiệu tự phong *phu chữ* của nhà thơ, mà không hiểu rằng kỹ thuật đo không

phải là thủ công hoặc cơ giới, mà là kỹ thuật của công nghệ cao, kỹ thuật gien, của thời đại tin học. Kỹ thuật ấy không ở bàn tay, khối óc mà ở sự minh thông.

Dành gần cả cuộc đời để chiến đấu đura thơ, rông ra là văn chương nghệ thuật, từ thân phận một công cụ trở thành một thể tự lập, có giá trị tự thân, để từ cái tư hữu này mà có quyền bình đẳng đối thoại với/ở các lĩnh vực khác nhau như xã hội, văn hóa, kinh tế, giáo dục.

Việt Nam hiện nay vốn cộng sinh hoặc đồng tồn nhiều loại diễn ngôn. Trong đó diễn ngôn quyền lực đang vai trò chủ đạo. Diễn ngôn này bao giờ cũng mang tính độc thoại, khép kín và duy trì cái đã có. Một mặt, vẫn dung "phương pháp truyền cổ viết lai", Lê Đạt gày ra những tư quen thuộc, nghĩa cũ hoặc đang bị thoái hóa nghĩa như *người tài, đôi thoại, đôi tác, vốn xã hội, trải thâm dò, sự trung thực của trí thức, bản sắc dân tộc...*, để diễn giải lại một cách thông minh, hóm hỉnh, cập nhật và cập thế giới, khiến người nghe, người đọc phải động tâm mà nghĩ lại, nghĩ mới và nghĩ khác. Mặt khác, từ những khái niệm mới như *thuyết bất định, nguyên lý bổ sung, nguyên lý loại trừ, cái khác biệt, phương pháp thử và sai...* Lê Đạt muốn xây dựng một diễn ngôn quyền lực khác, quyền lực của trí thức, quyền lực của trí tuệ, dân chủ và cởi mở, để đôi trong với thử quyền lực của quyền lực, nhằm góp phần đura đất nước thoát khỏi ngheo nàn, tut hầu.

Là một người quyết liệt trong tư duy, trong đổi mới tư duy, nhưng Lê Đạt lại là người khoan hòa, cận nhân tình trong đời sống. Sự giằng co giữa hai ứng xử trái ngược này, đôi khi, làm Lê Đạt mất đi cái sức mạnh nguyên khối, có thể đây là yếu điểm/điểm yếu của người trí thức nói chung, người trí thức Việt Nam, đặc biệt là trí thức đồng bằng Bắc bộ. Có thể đây là lối sống *mát* (cool), lối sống kiểu văn hóa khác với lối sống *nóng* (hot), lối sống kiểu chính trị. Nhưng, biết đâu, chẳng vì thế mà Lê Đạt trở thành một nhà văn hóa, nhà nhân văn. Một người Hiền, ông-già-trẻ-nhỏ, một người minh triết.

Để xây dựng được diễn ngôn của quyền lực tri thức, nhất thiết phải có một môi trường sạch, để ánh sáng qua đấy, hoặc từ đấy phát đi không bị khúc xạ hoặc *sáng lờ*. Đó hẳn là lý do Lê Đạt gắn bó, lo toan với/cho Tia Sáng ngay từ buổi đầu. Và *Tia Sáng* nhanh chóng trở thành ngôi nhà (/ngôn ngữ vì Heidegger coi ngôn ngữ là ngôi nhà của tồn tại) của Lê Đạt. Ngôi nhà ấy luôn đầy ắp con chữ và tiếng cười ấm áp, sáng khoái của ông, kể cả khi ông đã đi xa. Mong muốn những con *chữ mở nghĩa*, đôi nghĩa, năng sản của *người mở chữ* Lê Đạt sẽ tìm được ở tâm hồn bạn đọc ngôi nhà của nó, để làm tổ và sinh sôi. Đây là lý do Nhà xuất bản Trẻ và Tạp chí Tia Sáng in tập sách này. Và cũng là lý do tôi trân trọng giới thiệu sách này với bạn đọc.

12-3-2011
Đỗ Lai Thúy

PHẦN I

ĐỐI THOẠI VỚI
ĐỜI VÀ THƠ

CHƯƠNG I

DÂN CHỦ VÀ VỐN XÃ HỘI

Nếu quan niệm vốn xã hội như tổng mạng những quan hệ chính phủ giữa những thành viên một cộng đồng trong một thể chế nhất định để giải quyết việc chung sống thì vận hành thông suốt của nó là điều quan trọng nhất.

Một ách tắc nhỏ không chỉ ảnh hưởng đến cục bộ mà có khả năng gây ảnh hưởng khó lường đến toàn bộ. Vì những mối liên hệ này không vận hành theo hệ tuyến tính đơn giản mà là hệ phức hợp của mạng.

Trong số những định nghĩa nổi tiếng của Bourdieu, Coleman, de Soto,... tôi có thiên cảm hơn cả đối với định nghĩa của Fukuyama vì nó nhấn mạnh đến yếu tố *tin cậy*.

Độ tin cậy chính là cơ sở, đồng thời là động lực bảo đảm sự phát triển bền vững của vốn xã hội.

Độ tin cậy ấy chỉ có thể được xây dựng trên cơ cấu những liên hệ *minh bạch* cố gắng thỏa mãn những *quyền lợi* khả thể của mọi thành phần trong cộng đồng trên cơ sở thương lượng, đối thoại.

Vì cộng đồng xã hội là một cộng đồng sống nên không thể có những giải pháp cố định, hoàn chỉnh "một lần cho tất cả", mọi giải pháp đều chỉ có tính chất *tối ưu nhất thời* ngắn hoặc dài hạn.

Trong các mối quan hệ rạn rít này, quan trọng nhất là quan hệ giữa vốn xã hội và công quyền, hay nói một cách dễ hiểu hơn: giữa xã hội dân sự và Nhà nước.

Thời kỳ cách mạng "chia nhau dằm dặc tù đày", mối quan hệ đó tương đối đơn giản. Quyền lợi của Đảng cách mạng với nhân dân nô lệ *cơ bản* là một, cùng chung một khát vọng "không có gì quý hơn độc lập tự do".

Cách mạng thành công đã đem lại một thay đổi cực kỳ quan trọng. Người đầu tiên nêu lên sự cố này là Chủ tịch Hồ Chí Minh, khi Người nhấn mạnh đến sự kiện Đảng đã trở thành *Đảng cầm quyền* cũng như nguy cơ những *Ông quan Cách mạng*.

Đáng tiếc rằng lưu ý của Chủ tịch chưa được các thế hệ sau quan tâm đúng mức. Nhiều người chưa chú ý thỏa đáng đến sự cố: đòi hỏi của *Nhà nước cai trị* và *người dân bị cai trị* không còn trùng khớp như trước mà nhiều trường hợp vênh nhau, nếu không kịp thời điều chỉnh có thể dẫn đến chỗ mâu thuẫn đối nghịch.

Lỗi xin lấy một ví dụ.

Trước thời kỳ Đổi mới, chính sách lớn Hợp tác hóa nông nghiệp của Nhà nước đã không còn phù hợp với quyền lợi của đông đảo nông dân nữa, nông dân lúc đó đã phân hóa thành hai bộ phận: bộ phận của những "chủ nhiệm mua đài mua xe" và bộ phận của đông đảo nông dân lao động "ban mặt cho đất bán lưng cho trời". Quyền lợi của hai bộ phận trở thành đối nghịch.

Chúng ta chưa đánh giá đúng công lao của bí thư Vĩnh Phúc Kim Ngọc và chính sách khoán "chui" của ông.

Bí thư Kim Ngọc không phải là một nhà lý luận cơ trình độ văn hóa cao, ông chưa từng theo một trường đại học chính quy nào.

Nhưng người cố nông này, mặc dầu lúc đó đã trở thành một công chức cao cấp trong bộ máy công quyền đã không bị chiếc ghế ngồi che khuất tầm mắt cũng như những lập luận hoa mỹ "nhân danh sự trung thành với chủ nghĩa" mê hoặc, ông đã chân đất đi thẳng tới một câu hỏi hết sức cơ bản và nguy hiểm: chế độ ghi công chấm điểm hiện hành của Hợp tác xã phục vụ cho quyền lợi của ai? Của đám quan cách mạng mua đài mua xe hay của đông đảo nông dân lao động đã sinh ra ông? Và mặc dầu thái độ không hưởng ứng, thậm chí phản đối của bộ máy công quyền, ông vẫn lựa chọn con đường gian khổ của thiểu số "đứng trước giờ quy định" và đa số người dân "cực khổ bản hàn". Những phiền hà, những họa nạn xảy ra đối với ông là điều tất nhiên. Đất mẹ hãy ghi công người con hiếu thảo này!

Chính sách Khoản 10 trong nông nghiệp có thể coi là một đột phá khẩu của đường lối đổi mới. Nó đã góp phần quan trọng giải quyết nạn tắc nghẽn động mạch, trả lại hệ tuần hoàn dân chủ thông suốt tối cần cho sức khỏe cộng đồng.

Ta có thể nói trình độ dân chủ của một quốc gia tỷ lệ thuận với ý thức giác ngộ của bộ máy Nhà nước đối với vai trò hàng đầu của vốn xã hội, nó là điều kiện sống còn bảo đảm sự phát triển bền vững của quốc gia đó.

Chúng ta hoan nghênh mọi nguồn tài trợ đến từ các nước bạn, nhưng nguồn tài trợ này chưa bao giờ là nhân tố cơ bản giúp ta xóa hết đói, giảm hết nghèo.

Nước Việt Nam từ một quốc gia nghèo và đụt bữa trở thành một quốc gia xuất khẩu lương thực hàng đầu thế giới, bắt đầu có của ăn của để chủ yếu là nhờ *nguồn tài trợ hùng hậu của vốn xã hội*.

Một trong những bài học đáng nhớ nhất của thời kỳ Đổi Mới là mối bận tâm của Nhà nước trong việc giải phóng đến mức tối đa có thể những tiềm năng của vốn xã hội thông qua những chính sách thông thoáng tin cậy. *Việc gì xã hội làm được thì nên hết lòng khuyến khích xã hội làm, kiên quyết tránh lam nhiệm, cản trở*.

Phát triển bền vững vốn xã hội không phải một vận hành đơn thuần kinh tế mà còn là một vận hành đạo đức.

*

* *

Trong hệ tư tưởng của Marx cũng như chủ nghĩa Lenin có một luận điểm quan trọng, theo tôi, chưa được nghiên cứu một cách thỏa đáng, đó là luận điểm về quá trình tự hủy của Nhà nước (*le dépérissement de l'Etat*). Rất mong các nhà lý luận thâm canh luận điểm này, nhất là trong tương quan của nó với sự phát triển bền vững của vốn xã hội.

VĂN HÓA ĐỐI THOẠI

Với đà phát triển tăng tốc của “toàn cầu hóa”, đối thoại đã vượt khỏi giới hạn một kỹ năng và trở thành một phạm trù mới của đạo đức.

I. Một trong những tiến bộ đáng nể nhất của tư duy hiện đại là đã vượt qua thời *nguyên lý loại trừ* bước sang kỷ nguyên của *nguyên lý bổ sung*.

Nguyên lý loại trừ có một sức ý thâm căn cố đế vì nó đã chế ngự tư duy nhân loại đằng đẵng hàng nghìn năm trời.

Nó vận hành *trên hai vế* đúng/sai và không công nhận, tuyệt đối không công nhận có *về thứ ba*.

Cách hành xử của nó là *độc thoại* và cao trào của nó là đỉnh kiến: *kẻ nao không đi với ta là chồng lại ta*.

Phong cách của nó là khép kín, bảo thủ, hẹp hòi và độc đoán.

Lịch sử còn nhớ lời phát ngôn nổi tiếng của Goebel, một cánh tay đắc lực của Hitler: “Khi tôi nghe thấy từ văn hóa, tôi rút súng ra”.

Nguyên lý bổ sung cung cấp cho vận hành tư duy hiện đại một *về thứ ba*: *cái khác*.

Cách hành xử của nó là *đối thoại*. Phong thái của nó là *cởi mở, dung nhận, thực sự cầu thị, bình đẳng* và *đoàn kết*.

Nó phủ-nhận mọi chân lý độc tôn, tất đỉnh.

Nó khuyến khích mọi cuộc tranh luận, mọi ý kiến khác biệt trên con đường không có kết thúc (non finito) của hành trình chân lý.

Nguyên lý bổ sung của Bohr và đôi bạn đồng hành *nguyên lý bất định* của Heisenberg và *nguyên lý bất toàn* của Godel hoạt động như bộ ba “ngự lâm quân pháo thủ” của tư duy hiện đại. Hiểu biết của con người ngày một trưởng thành. Con người ngày càng hiểu rằng tri thức của mình là hữu hạn, rằng chân lý là một quá trình tiếp cận trường kỳ, chân lý

luôn luôn trên đường đi và không có ngày Chúa nhật cũng như không có một công ty độc quyền chân lý.

Xây dựng một nền văn hóa đối thoại hết sức bức thiết nhưng cũng trường kỳ khó khăn vì loài người sống qua lâu năm trong thói quen độc thoại - Nó như một bóng ma bất đắc kỳ tử luôn luôn ám ảnh hành trình đối thoại của loài người.

2. Tôi xin phép được nhắc lại và nhấn mạnh đề phòng mọi sự hiểu lầm.

- Độc thoại là tin rằng mình đã nắm vững chân lý và chỉ có nhiệm vụ cao cả là thuyết phục kẻ khác chấp thuận. Tật cố hữu của nó là áp đặt cửa quyền và *sốt ruột*. Các nhà triết học gọi đó là phong cách *nóng* (hot).

Như trên đã nói: với người độc thoại chân lý là *đã có sẵn* và ở phía sau lưng nên do đó thường có tính chất *bảo thủ* tự mãn và đa nghi.

- Đối thoại, ngược lại, tin rằng chân lý không phải một tiên đề (précepte) mà một hậu đề (postcete) kết quả của một quá trình *phân tích, thảo luận, xây dựng* của nhiều người nên phong cách của nó là thành khẩn, bình tĩnh và dân chủ. Giới học thuyết gọi đó là phong cách *mát* (cool).

3. Từ thời mở cửa chúng ta đã bắt đầu xây dựng được một sinh hoạt đối thoại khá tốt. Trên báo chí và các phương tiện truyền thông đại chúng đã xuất hiện những cuộc thảo luận tương đối có chất lượng.

Nhưng phải nói thật với nhau, để xây dựng được một nền văn hóa đối thoại thực chất còn rất nhiều điều cần phải làm.

Một số cá nhân hoạt động văn hóa "nhà nọ nhà kia" hẳn hoi trong lúc tranh cãi về học thuật đã cãi nhau theo nghĩa đen với những lời lẽ rất mát về sinh của đám người ngoài chợ.

Một số người còn mắc bệnh cay cú "cãi lấy được" cố tìm cách moi móc, cố tình đánh những đòn hiểm (?) để hạ "nóc ao" đối thủ.

Chúng ta phải cố gắng trọng thị hơn nữa những ban đối thoại với ta (đó cũng là thái độ tư trọng) và cố gắng "fair play" (chơi đẹp) đến mức tối đa có thể như những vận động viên có tư cách.

Cái bi kịch cũng như cái lớn lao của con người là: *Điều gì cũng phải học và điều gì cũng có thể học được.*

Học ăn, học nói, học gói, học mở.

Học nói chính là văn hóa đối thoại.

Ngay từ thời xa xưa các cụ ta đã có những lời khuyên hết sức tiên tiên và đậm đà bản sắc dân tộc về đối thoại. Chẳng hạn: "Lời nói không mất tiền mua/Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau", "Lời chào cao hơn mâm cỗ", "Một sự nhịn là chín sự lành", "Nói phải củ cải nghe cũng được".

Trong đối thoại một đòi hỏi quan trọng là phải biết lắng nghe.

Một thiên sư dạy: Không phải vô cớ mà trời sinh ra con người có hai tai và một miệng.

4. Đầu thế kỷ XX trước thiên hướng chuyên môn hóa cao của khoa học, Nietzsche đã lo rằng một ngày không xa con người sẽ chuyên môn hóa đến mức trở thành những thẳng gù(?)

Như những Cátxăngđơ (cô đồng báo điếm gờ), các trí tuệ lớn thường đứng ở điểm lâm nguy của nhân loại. Mặc dầu khả năng tiên tri lỗi lạc, Nietzsche cũng chưa vượt qua được nguyên lý loại trừ của thời đại mình.

Cơ nguy chuyên môn đến mức "gù hóa" là có thật nhưng chưa bao giờ người ta đề cập đến những khoa học liên thông liên ngành nhiều như bây giờ.

Nhà bác học lớn người Bỉ Prigogine còn công khai hô hào cho một khối hệ minh mới giữa tất cả các ngành khoa học tự nhiên và xã hội để tạo dựng một cái nhìn nên thơ và đỡ khô cứng đối với sự sống.

Và những câu nói "hội nhập", "toàn cầu hóa" gần như đã trở thành lời nói cửa miệng của thế kỷ XXI.

Văn hóa đối thoại đã trở thành một yêu cầu bức thiết hơn bao giờ hết.

SỰ TRUNG THỰC CỦA TRÍ THỨC

Theo nghĩa truyền thống, kẻ sĩ là một người có học. Có học nên biết lẽ phải trái để “tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”. Cái dũng của họ không phải cái dũng chém tướng đoạt thành mà là hệ quả của cái trí, nhằm làm sáng tỏ đạo thanh hiền. Đó là một công việc khó khăn, thậm chí nguy hiểm.

Không phải lúc nào cũng có một Chu Văn An trước sự lộng hành của đám sủng thân, dám dâng thất trăm sớ và sau khi bị khước từ, kiên quyết từ quan về dạy học.

Không phải lúc nào cũng có anh em thái sử Bá thời Xuân Thu. Thôi Trữ sau khi giết vua Tề, ra lệnh cho thái sử Bá phải ghi vào sử: “Tề Trang Công bị bạo bệnh mà chết”. Bá ghi: “Năm Ất Hợi, tháng Năm, Thôi Trữ giết vua”. Thôi Trữ nổi giận lôi Bá ra chém. Bá có ba người em. Hai người noi gương anh đều bị chém. Người em út vẫn điềm nhiên viết: “Năm Ất Hợi, tháng Năm, Thôi Trữ giết vua”. Trữ quát: “Ba anh người đều đã bị chém, người không sợ sao?” Người này nói: “Việc của quan thái sử là ghi lại sự thật, nêu xuyên tạc thì bị chết chém còn hơn”.

Nhưng không hiểu sao tôi vẫn không thích từ kẻ sĩ lắm. Có lẽ do màu sắc hơi “hoai cổ” của nó chăng? Đạo thánh hiền quả là cao quý và đáng trân trọng nhưng nó là một cái gì đã có. Kẻ sĩ thời nay chính là những trí thức do tính rộng mở của từ này. Nhất là vào thời đại nền kinh tế tri thức phát triển với sự bùng nổ của khoa học, đặc biệt là ngành tin học. Người trí thức không những tôn trọng thánh hiền mà còn là kẻ dám mày mò vào cõi không biết, đấu tranh với những định kiến của hiện tại để phát hiện những sự thật cho tương lai.

Một nước đang phát triển như nước ta cần nhanh chóng đào tạo một đội ngũ trí thức đông đảo để khỏi tụt hậu. Muốn vậy chúng ta phải lập cho được một môi trường lành mạnh trên nền tảng sự trung thực trí thức.

Ít lâu nay báo chí nói nhiều đến nạn bằng giả. Đó là một hiện tượng xã hội nghiêm trọng, cần phải loại bỏ. Nhưng theo tôi, nó không nghiêm trọng bằng hội chứng "bằng thật, người giả" vì hội chứng này có nguy cơ gây sự lẩn lộn trong hệ giá trị và làm ô nhiễm môi trường đạo đức một xã hội trung thực, trong đó thật/giả phải được phân định rạch ròi và minh bạch. Chúng ta thường nói nhiều đến tài năng và trí thức. Nhưng tài năng và trí thức chỉ có thể phát triển lâu dài và bền vững trên nền tảng một xã hội trung thực.

NGƯỜI TÀI

Ít thời gian gần đây, người ta nói nhiều đến việc trải thảm đỏ đón người tài.

Đó là một việc tốt rất nên làm, nhưng không hiểu tại sao công việc tiến hành xem chừng không thu được những kết quả mong muốn.

Theo nhận định thông thường, đất nước không hiếm người tài.

Tôi không phủ nhận tính đúng của nhận định này.

Bây giờ chỉ còn có việc trải thảm đỏ mời họ về với tất cả những ưu đãi có thể.

Công việc tưởng như không còn gì dễ dàng hơn.

Nhưng chính những khó khăn thường khi hay này nở từ những dễ dàng đó.

Chúng ta có một thói quen không tốt là ưa vận động xã hội theo "chiến dịch".

Cách tiên hành này có cái hay là tập trung được phương tiện, sức lực nhưng lại có cái dở là dễ rơi vào tình trạng vội vàng, a dua và nhiều khi hình thức.

Muốn mời nhân tài trước hết phải xác định rõ nhân tài là ai? (nhất là khi thu trường hàng dôm tràn lan như bây giờ).

Theo tôi nhân tài là một danh quá bao quát đến mức mơ hồ.

Các trí thức, các chuyên gia có bằng cấp (lẽ dĩ nhiên bằng thật) có đúng là người tài không?

Các sinh viên đỗ thủ khoa có đúng là người tài không?

Đúng. Nhưng không phải chỉ có thế!

Vậy nhân tài anh (chị) là ai?

Chúng ta nên chấm dứt quan niệm về những nhân tài chung chung như những thứ hàng mẫu.

Theo tôi nhân tài là những người xuất sắc có khả năng bứt phá những đòi hỏi cụ thể và đa dạng của xã hội.

Do đó có nhiều "tuýp" người tài (không hiếm trường hợp vượt ngoài chủ kiến của lãnh đạo).

Không nên quên chính trị là nghệ thuật về cái có thể, và cái có thể là ở phía trước mặt chứ không phải ở phía sau lưng.

Một người tài không phải là một cây kiềng mà là một tác nhân tích cực và hành động ở những vị trí cụ thể được xác định.

Một người tài đặt sai vị trí có thể sẽ trở thành một kẻ *bất tài*.

Một nhà khoa học tự nhiên giỏi có thể là một ông bộ trưởng tồi.

Muốn tìm cũng như sử dụng người tài, nhà quản lý phải nắm bắt được mình *thật sự cần gì*, khi biết mình cần gì thì đồng thời hiểu được ai là người tài và người tài cần gì.

Tôn vinh người tài không phải *chỉ* là tặng hoa, tiền thưởng hay huân huy chương. Nó lớn hơn một cuộc mừng công kết thúc, mà là sự khởi đầu một cam kết sử dụng, một hợp đồng làm việc cùng phấn đấu cho dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ và văn minh.

Đó là một chính sách xuất phát từ nhu cầu *thật* của cả hai phía chứ không phải từ sự chiều cố đờn phương của người quản lý "tốt bụng".

Xác định như thế mới tránh được tình trạng một số địa phương mời nhân tài về để "ngắm" và để nhân tài cùn di trong những phân công trái khoáy hay ngội chơi xơi nước.

Các nhà quản lý hứa hẹn ưu đãi lương cao nhà ở. Tóm lại những tiện nghi vật chất cho người tài. Rất tốt. Vì như một nhà thơ lớn đã viết: *Một thiên tài kiệt xuất cũng cần ăn*.

Nhưng không nên quên rằng đó chỉ là điều kiện cần chứ không phải điều kiện đủ.

Một việc làm hết sức quan trọng không nên quên đó là những ưu đãi về tinh thần, tạo một môi trường thân thiện để các tài năng có thể phát triển sở trường phục vụ đất nước, để người tài đỡ ân hận rằng mình cần đất nước nhưng đất nước không cần mình.

Người tài thật sự muốn được làm việc, và muốn cộng đồng tạo cho mình có điều kiện làm việc. Tài năng là để cống hiến hơn là để nhận danh hiệu. Người tài luôn coi trọng trách nhiệm của mình đối với cộng đồng.